TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **215**/2022/DS-ST
Ngày:29-11-2022
V/ v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M -TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lê Thị Thu Yến**

2/ Ông **Nguyễn Tất Ái**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Đoàn Thị Diễm Hương** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố M.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M*** *tham gia phiên tòa*: Bà **Ngô Thị Cẩm Thúy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Hồng C sinh năm 1976.

Địa chỉ: số 157 Nguyễn Tri Phương, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền chị Trương Thị Thanh T0 sinh năm 1993

Địa chỉ: số 35 Hùng Vương, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C: luật sư Dương Thị Kim L – Văn phòng luật sư Dương Thị Kim L thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn:

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số 422 Bis Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Nơi ở hiện nay: số 744G Lý Thường Kiệt, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số 422 Bis Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Nơi ở hiện nay:số 744G Lý Thường Kiệt, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Huỳnh Nhã Tr, sinh năm 1990.

Địa chỉ: số 40 ấp Mỹ An, xã M1, thành phố M tỉnh Tiền Giang

(Chị T0 có mặt, chị Tr có đơn xin vắng mặt; bà T, ông H vắng mặt;)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 10/8/2022 của bà Đặng Thị Hồng C, và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Trương Thị Thanh T0 trình bày: vào ngày 06/02/2021 bà C có cho chị T và anh H vay mượn số tiền 2.000.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 2%/ tháng, trả lãi hàng tháng và trả vốn vào ngày 30/8/2022. Việc vay mượn có biên nhận nợ do chị T viết và ký tên.Quá trình trả lãi chị T và anh H đã trả cho bà C số tiền lãi là 189.475.000 đồng.

Tuy nhiên, sau đó, chị T và anh H không thực hiện tiếp nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận cho bà C nên ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà C. Do đó, nay bà C khởi kiện, yêu cầu chị T và anh H phải trả cho bà số tiền vốn gốc là 2.000.000.000 đồng, và tiền lãi theo mức lãi suất 1.66%/ tháng tính từ ngày 06/02/2021 đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính từ ngày 06/02/2021 đến ngày khởi kiện là 597.600.000 đồng. Bà C đồng ý cấn trừ lại phần tiền lãi đã nhận từ chị T và anh H.

Tại bản khai ngày 20/9/2022, bà Đặng Thị Hồng C xin thay đổi lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T trả bà số tiền 2.000.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/ tháng, thời gian tính từ ngày 06/02/2021 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/9/2022, người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Thanh T là chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày: thống nhất chữ ký và chữ viết trong biên nhận là của bà Thủy nhưng thực tế bà Thủy chỉ nợ bà Cẩm số tiền 700.000.000 đồng, do đó, bà C khởi kiện bà Thủy không đồng ý. Ngày 20/9/2022, chị Nguyễn Thị Huỳnh Ncó giao nộp cho Tòa án " Văn bản chấm dứt ủy quyền" đối với bà Võ Thị Thanh T.

Tại Bản tự khai ngày 23/8/2022 ông Lê Văn H trình bày đối với số tiền 2.000.000.000 đồng mà bà C khởi kiện ông không có liên quan vì ông không mượn số tiền trên và ông cũng hoàn toàn không biết sự việc vay mượn tiền giữa bà T và bà C nên ông không đồng ý cùng bà T trả số nợ trên.

Trong đơn xin giải quyết vắng mặt, chị Nguyễn Huỳnh Nhã Tr trình bày thừa nhận có việc bà Võ Thị Thanh T nhờ chị chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho bà C nhưng chị không biết cụ thể là giữa bà T và bà C có phát sinh quan hệ như thế nào, chị xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án trên.

Tại phiên Tòa, chị Trương Thị Thanh T0 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn H, bà C chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 2.000.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/ tháng, thời gian tính từ ngày 06/02/2021 đến khi xét xử sơ thẩm là 21 tháng 24 ngày, với số tiền là: 2.000.000.000đ x 0.83%/ tháng x21 tháng 24 ngày = 361.872.000 đồng.

Bà C đồng ý cấn trừ số tiền lãi mà bà T đã trả trước đó là 189.475.000 đồng, nên số tiền lãi bà T phải trả là 172.400.000 đồng.

Tổng cộng, bà C yêu cầu bà T trả số tiền vốn và lãi là 2.172.400.000 đồng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bài bảo vệ luật sư có nhiều lập luận và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với lời phản bác của phía bị đơn cho rằng chỉ nợ bà C số tiền 700.000.000 đồng là hoàn toàn không có cơ sở vì không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Do đó, cần căn cứ vào biên nhận nợ ngày 06/02/2021 để làm căn cứ giải quyết vụ án nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ đã vay theo hợp đồng vay tiền tiền nên quan hệ pháp luật được xác định là hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

[2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ 2 nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 06 tháng 02 năm 2021, thì giữa bà Đặng Thi Hồng C và bà Võ Thị Thanh T có phát sinh quan hệ vay mượn tiền, với số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn trả thỏa thuận đến ngày 30/8/2022 sẽ hoàn trả. Tuy nhiên khi đến hạn trả, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà các bên đã thỏa thuận, dù phía bà C đã nhiều lần nhắc nhở, nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà C. Xét nội dung hợp đồng vay thể hiện, bà T có vay của bà C số tiền 2.000.000.000 đồng, và quá trình giải quyết vụ án người đại diện của bà T cũng thừa nhận đối với chữ ký của bà T tại giấy mượn tiền ngày 06/02/2021 nhưng không thống nhất với số nợ 2.000.000.000 đồng và cho rằng thực tế bà T chỉ nợ bà C số tiền 700.000.000 đồng nhưng bà T không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày trên.

Quá trình giải quyết vụ án bà T cho rằng việc bà C khởi kiện trong khi chưa đến hạn trả tiền theo giấy mượn tiền là không phù hợp với quy định của pháp luật và đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong vụ án và lời trình bày của các bên, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo nội dung giấy mượn tiền thể hiện thời gian trả tiền là ngày 30/8/2022, không thỏa thuận lãi suất nhưng qua các chứng từ giao dịch tại ngân hàng đều thể hiện bắt đầu từ tháng 04 năm 2021 bà T và chị Nhã Tr xác nhận việc bà T có nhờ chuyển khoản trả tiền cho bà Cẩm, bà T cũng không trình bày có phát sinh giao dịch nào khác với bà C. Do đó, có căn cứ để xác định khoản tiền mà bà T và chị Nhã Tr chuyển trả cho bà C là khoản tiền lãi phát sinh từ khoản vay 2.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 06/02/2021, tức là giữa các bên có thỏa thuận về mức lãi suất cũng như thời gian trả lãi nhưng bà T đã vi phạm thỏa thuận. Và thời điểm xét xử vụ án cũng đã quá thời hạn thỏa thuận trả nợ nhưng bị đơn chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[4]. Xét về nghĩa vụ liên đới, tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bà Võ Thị Thanh T và ông Lê Văn H phải cùng cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn và lãi theo biên nhận ngày 06/02/2021. Xét thấy, nội dung tờ biên nhận thể hiện bên vay tiền chỉ có bà Võ Thị Thanh T ký tên xác nhận khoản vay, đồng thời suốt quá trình giải quyết vụ án, ông H có văn bản không thống nhất số nợ 2.000.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng, sự việc vay mượn giữa bà C và bà T ông H không biết nên không đồng ý trả nợ cùng bà T. Phía nguyên đơn ngoài căn cứ cho rằng giao dịch xác lập vào thời điểm ông H và bà T là vợ chồng thì không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc ông H có biết và cùng sử dụng số tiền vay trên cho mục đích chung của vợ chồng nên yêu cầu trên là chưa có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Lê Văn H, nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Võ Thị Thanh T phải trả số nợ vốn 2.000.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 083%/ tháng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tính lãi, như đã phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi thực hiện giao dịch các bên có thỏa thuận lãi suất, bà T đã trả được cho bà C số tiền lãi là 189.475.000 đồng thông qua việc chuyển khoản trực tiếp và nhờ chị Nguyễn Huỳnh Nhã Tr chuyển khoản trả vào tài khoản của bà C. Phía nguyên đơn đồng ý cấn trừ lại số tiền lãi đã nhận là 189.475.000 đồng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn Thanh T phải trả lãi với mức lãi suất là 0.83%/tháng, tính từ ngày giao kết thỏa thuận vay đến ngày xét xử với tổng số tiền 172.400.000 đồng là hoàn toàn cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Võ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Hồng C.

Buộc bà Võ Thị Thanh T phải trả cho bà Đặng Thị Hồng C số tiền 2.172.400.000đ (Hai tỷ một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn Lê Văn H

4.Về án phí:

Bà Võ Thị Thanh T phải nộp 75.448.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị Hồng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.080.000 đồng theo biên lai số 0022541 ngày 10/8/2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố M.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Cao Thị Trúc Linh

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- VKS nhân dân TP Mỹ Tho.
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP Mỹ Tho.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.